

Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT

Mục 1. Yêu cầu về kỹ thuật

1.1. Giới thiệu chung về dự toán mua sắm, gói thầu

- Tên gói thầu số 11: Mua sắm vật tư phục vụ nhiệm vụ sản xuất kinh doanh
- Tên dự toán: **Mua sắm vật tư hàng hóa (đợt 4) năm 2026**
- Thời gian thực hiện hợp đồng là: 15 ngày.
- Nguồn vốn tổ chức mua sắm: **Chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026**
- Địa điểm thực hiện: Nhà máy A42/QC PK-KQ; Địa chỉ: Công 1 Sân Bay Biên Hòa, Phường Tân Triều, Tỉnh Đồng Nai;

1.2. Yêu cầu về kỹ thuật

Nhà thầu cung cấp trong E-HSDT bảng tóm tắt các thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn tương tự như bảng dưới đây để chứng minh hàng hóa do Nhà thầu chào tuân thủ với các yêu cầu của E-HSMT.

Tóm tắt thông số kỹ thuật của hàng hóa, dịch vụ liên quan. Hàng hóa, dịch vụ liên quan phải tuân thủ các thông số kỹ thuật và tiêu chuẩn sau đây:

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
1	Bạc Nitrate tinh khiết	Dạng tinh thể bột, công thức phân tử: $AgNO_3$, Độ tinh khiết đạt: 99,98%
2	Magiê sun phát	Là một muối vô cơ có chứa magie, lưu huỳnh và oxi, với công thức hóa học $MgSO_4$, tồn tại dưới dạng tinh thể màu trắng, dễ tan trong nước
3	Cadimi oxit	Dạng bột tinh thể màu nâu, công thức hóa học là CdO ; yêu cầu: độ tinh khiết đạt 99,98%.
4	Ba zơ	Thường được gọi là Xút hoặc Xút ăn da. là một hợp chất vô cơ của natri, dạng lỏng, màu trắng, mùi đặc trưng, độ tinh khiết đạt 96%. Công thức hóa học $NaOH$
5	Muối Natri sunfat	Là một loại muối vô cơ, dạng khan, tinh thể rắn màu trắng. Thành phần hóa học: chứa 21% nitơ và 24% lưu huỳnh. Công thức hóa học Na_2SO_4

Hạng mục số	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn
6	Muối Nickel Sulfate	Niken sunphat hay niken sunfat có công thức hóa học là NiSO ₄ .6H ₂ O. Nó có dạng tinh thể màu xanh, độc, không có mùi được ứng dụng rộng rãi trong các ngành
7	Muối Kali cacbonat	Là một loại muối vô cơ với một số ứng dụng thương mại. Việc sử dụng phổ biến nhất là làm phân bón đất. Nó chứa 21% nitơ và 24% lưu huỳnh. Natri sunfat là muối natri của acid sulfuric. Khi ở dạng khan, nó là một tinh thể rắn màu trắng. Công thức hóa học K ₂ CO ₃
8	Muối Nikel chloride	Dạng tinh thể, màu xanh lá cây; Công thức phân tử: NiCl ₂ .6H ₂ O, Điểm nóng chảy: 140oC, Độ hòa tan trong nước 123,8g/100ml (25oC)
9	Axit Clohydric	Công thức hóa học: HCL, là chất lỏng màu trong suốt, ánh vàng, Là axit vô cơ mạnh, hoà tan phần lớn các kim loại thường tạo thành muối Clorua kim loại. Tỷ trọng ở nhiệt độ 25oC: 1,161÷1,180, Hàm lượng axit clohydric (HCl): (35 ± 1) %, Hàm lượng sắt (qui về Fe+3): ≤ 5 ppm, Hàm lượng clo tự do: ≤ 40 ppm.
10	Muối Sắt (II) Sunfat kỹ thuật	Dạng bột công thức FeSO ₄ bột mịn hàm lượng => 98%
11	Muối Natri Stannate	Là một loại muối vô cơ với một số ứng dụng thương mại. Việc sử dụng phổ biến nhất là làm phân bón đất. Nó chứa 21% nitơ và 24% lưu huỳnh. Natri sunfat là muối natri của acid sulfuric. Khi ở dạng khan, nó là một tinh thể rắn màu trắng. Công thức hóa học Na ₂ SnO ₃
12	Muối Natri axeta	Ở dạng hạt và bột, không màu và mùi, Là một muối có tính kiềm mạnh và acid yếu, Được dùng trong công nghiệp dệt để trung hoà nước thải có chứa axit sulfuric, Công thức hóa học NaCH ₃ COO
13	Axit sunfuric 98%	Là một axit vô cơ mạnh và khả năng hòa tan hoàn toàn trong nước. Dạng chất lỏng sánh như dầu, không màu, không mùi, nặng gấp 2 lần nước. Độ tinh khiết đạt 98%. Công thức hóa học H ₂ SO ₄
14	Axit nitric	Là hợp chất vô cơ, dạng lỏng, không màu, bốc khói mạnh trong không khí ẩm và là một chất axit ăn mòn, tan tốt trong nước (C<65%). Nó cũng có thể tồn tại ở dạng khí, không màu. tỷ trọng Độ tinh khiết: ≥ 1522kg/m ³ , Nhiệt độ đông đặc là -42 °C và nhiệt độ sôi là 83 °C. Công thức hóa học HNO ₃
15	Muối Ma nhê sunfat	Tinh thể rắn màu trắng, dễ tan trong nước. Dùng trong quá trình xử lý bề mặt, xi mạ, làm chất phụ gia trong dung dịch đánh bóng kim loại.
16	Axit oxalic	Là một hợp chất hoá học, có màu trắng và ở dạng tinh thể. Axit oxalic được xem là một hợp chất hữu cơ. tồn tại dưới dạng hạt có màu trắng hoặc trắng ngà, Có khả năng tác dụng với một số kim loại mạnh như canxi, sắt, natri, magie và kali trong cơ thể để tạo thành các tinh thể của muối oxalat tương ứng. Công thức hóa học C ₂ H ₂ O ₄

1.3. Các yêu cầu khác

Các yêu cầu khác về kỹ thuật bao gồm:

- Phương thức thanh toán: chuyển khoản

- Các dịch vụ liên quan như:

+ Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao hàng hóa

+ Thời gian Nhà thầu thực hiện bảo hành: 03 ngày từ khi nhận được thông báo của Bên mời thầu

- Hàng hóa phải đóng gói đúng tiêu chuẩn, bảo đảm không hư hỏng, móp méo, đổ vỡ trong quá trình vận chuyển – bàn giao.

- Nhà thầu chào phương án thay thế ngoài phương án chính theo yêu cầu của E-HSMT: không được phép

Mục 2. Bản vẽ: không có

Mục 3. Kiểm tra và thử nghiệm

Các kiểm tra và thử nghiệm cần tiến hành gồm có:

- Kiểm tra thông số, nhãn mác, số lượng, chủng loại, qui cách hàng hóa thực tế so với chứng từ cung cấp, giao nhận

- Hàng hóa do Nhà thầu giao đến sẽ được bên mời thầu tổ chức kiểm tra, nghiệm thu với các yêu cầu kỹ thuật đã nêu trong E-HSMT

- Bên mời thầu sẽ yêu cầu Nhà thầu cung cấp tài liệu về thông số kỹ thuật và các tiêu chuẩn của bất kỳ hàng hóa nào thuộc gói thầu để kiểm tra, đối chiếu. Nếu kết quả phân tích, so sánh khác vopiwg thông tin về tiêu chuẩn, thông số kỹ thuật hàng hóa do nhà thầu cung cấp, khi đó sẽ kết luận nhà thầu vi phạm. Nhà thầu phải chịu trách nhiệm về các chi phí liên quan.